| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN BÌNH TÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2021
V/v tranh chấp ly hôn

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Việt Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Tý;

Bà Lê Thị Tố Nữ.

***- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Cương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 790/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1981; (có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: số 131/19/35 Đường số X, khu phố Y, phường H, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lại Ngọc H, sinh năm: 1976; (vắng mặt)

Tạm trú: số 208/26/67 Đường số Z, khu phố K, phường H, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày*: Bà và ông H chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 191, cấp ngày 21/12/1999 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bà Th và ông H có những bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H không chăm lo cho cuộc sống gia đình, bà Th phải gồng gánh nuôi các con mà không được chồng quan tâm, chia sẽ. Bà Th đã cố gắng vì các con mà chịu đựng nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông H say xỉn và có những lời lẽ không hay xúc phạm bà Th. Bà Th có nộp đơn ly hôn đến Tòa án, nhưng rút đơn vì muốn cho ông H cơ hội hàn gắn gia đình nhưng ông H không có thay đổi tích cực. Hai bên sống ly thân từ năm 2016 đến nay nhưng không hàn gắn tình cảm được.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh T yêu cầu được ly hôn với ông Lại Ngọc H.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lại An B sinh ngày 24/5/2002 và Lại Ngọc An Đ sinh ngày 31/10/1999, hai con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Th tự khai không có.

Tòa án đã triệu tập ông H nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng ông H luôn vắng mặt, nghĩa là ông H không quan tâm đến cuộc hôn nhân này, không muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy, bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

** Bị đơn là ông Lại Ngọc H* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Minh T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông Lại Ngọc H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T đối với ông Lại Ngọc H; Về con chung đã thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: bà Th khai không có nên không xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Lại Ngọc H có đăng ký kết hôn, bà Th có yêu cầu xin ly hôn với

ông H nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Lại Ngọc H cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; Bị đơn là ông Lại Ngọc H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] *Về nội dung*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 191, cấp ngày 21/12/1999 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) cùng lời khai của các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Th và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Th có yêu cầu ly hôn với ông H vì giữa bà Th và ông H trong quá trình sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Th đã tạo nhiều cơ hội để hai bên xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông H không có thay đổi tích cực. Bà Th và ông H sống ly thân từ năm 2016 đến nay nhưng không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa, ông H không có mặt để trình bày bảo vệ ý kiến của mình, cho thấy ông H không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này và không có thiện chí hàn gắn gia đình. Từ những căn cứ trên cho thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông H đã diễn ra trầm trọng, không có khả năng hàn gắn gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà Th yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lại An B sinh ngày 24/5/2002 và Lại Ngọc An Đ sinh ngày 31/10/1999. Hai con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh T trình bày không có nên không xét.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T đối với ông Lại Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 191, cấp ngày 21/12/1999 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

*2. Về con chung:* có 02 con chung tên Lại An B sinh ngày 24/5/2002 và Lại Ngọc An Đ sinh ngày 31/10/1999. Hai con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động.

*3. Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Minh T trình bày không có nên không xét.

*4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0061238 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:* Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Lại Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
-Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân;
-Các đương sự;
-Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Việt Hải**